

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3499/SXD-KTVLXD
V/v hướng dẫn một số nội dung
liên quan đến việc lựa chọn phương
thức, cung ứng sản phẩm DVCI và
lập dự toán DVCI đô thị trên địa
bàn tỉnh.

Bình Dương, ngày 11 tháng 10 năm 2018

Kính gửi: UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Trong quá trình triển khai thực hiện việc sản xuất và cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn tỉnh; Sở Xây dựng có nhận được một số phản ánh, thắc mắc của các đơn vị, cá nhân có liên quan đến việc tổ chức thực hiện sản xuất và cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích đô thị. Để thống nhất trong lĩnh vực này, Sở Xây dựng hướng dẫn một số nội dung như sau:

1. Việc lựa chọn phương thức, cung ứng sản phẩm DVCI đô thị trên địa bàn tỉnh Bình Dương:

Đối với các sản phẩm, dịch vụ công ích thuộc Danh mục B ban hành kèm theo Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013; UBND các huyện, thị xã, thành phố áp dụng phương thức đấu thầu hoặc đặt hàng để các doanh nghiệp, đơn vị thực hiện theo quy định.

Việc lập dự toán DVCI để đấu thầu hoặc đặt hàng thực hiện theo Bộ đơn giá DVCI đô thị tỉnh Bình Dương và các Công văn hướng dẫn có liên quan. Khi giá trị chi phí theo dự toán cao hơn so với việc giao kế hoạch; UBND các huyện, thị xã, thành phố cân đối tình hình ngân sách tại địa phương để đề xuất tỷ lệ tiết giảm đặt hàng cho phù hợp hoặc đấu thầu theo quy định.

2. Công tác áp dụng Bộ đơn giá DVCI đô thị tỉnh Bình Dương do UBND tỉnh công bố tại Quyết định số 1636/QĐ-UBND ngày 29/6/2016:

Do Bộ đơn giá DVCI đô thị tỉnh Bình Dương công bố tại Quyết định số 1636/QĐ-UBND ngày 29/6/2016 được xây dựng trên mức lương cơ sở đầu vào là 1.210.000 đồng/tháng nên từng thời gian cụ thể, việc lập dự toán DVCI được điều chỉnh theo hệ số điều chỉnh do UBND tỉnh Bình Dương ban hành tại Công văn số 846/UBND-KTN ngày 06/3/2018 (mức lương cơ sở đầu vào là 1.300.000 đồng/tháng) và Công văn số 4816/UBND-KTN ngày 10/10/2018 (mức lương cơ sở đầu vào là 1.390.000 đồng/tháng).


Trường hợp khối lượng công việc phải làm thêm ngày lễ, tết; ngày được nghỉ theo quy định và làm đêm; phần chi phí nhân công, máy thi công tăng thêm được tính toán trên cơ sở mức lương cấp bậc không bao gồm phụ cấp lưu động và chế độ tiền ăn giữa ca. Việc giảm trừ phụ cấp lưu động và chế độ tiền ăn giữa ca để tính chi phí nhân công, máy thi công; phần tăng thêm theo phụ lục 01 đính kèm.

UBND các huyện, thị xã, thành phố rà soát việc áp dụng các hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương bằng 0,8, tiền ăn giữa ca 680.000 đồng/tháng, chi phí ca máy và thiết bị... trong việc lập, thẩm định và phê duyệt dự toán DVCI theo đúng quy định trước khi phê duyệt dự toán DVCI trên địa bàn.

Trên đây là ý kiến của Sở Xây dựng, đề nghị UBND các huyện, thị xã, thành phố nghiên cứu thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (B/c);
- GD, PGĐ Sở;
- Lưu: VT, KT&VLXD.

KT. GIÁM ĐỐC *M*
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Thanh Hào



Phụ lục 01: Hướng dẫn tính chi phí nhân công, máy thi công phần tăng thêm khi làm ngày lễ, tết; ngày được nghỉ theo quy định và làm đêm
(Đính kèm Công văn số 511/SXD-KTVLXD ngày 12/10/2018 của Sở Xây dựng)

1. Đơn giá nhân công trong Bộ đơn giá DVCI:

Giá trị tiền ăn giữa ca và phụ cấp lưu động trong đơn giá nhân công, theo từng mức lương cơ sở xác định như sau:

- Đối với mức lương cơ sở 1.210.000 đồng/tháng.
 $16.754 \text{ đồng} + 26.154 \text{ đồng} = 42.908 \text{ đồng}.$
- Đối với mức lương cơ sở 1.300.000 đồng/tháng.
 $18.000 \text{ đồng} + 26.154 \text{ đồng} = 44.154 \text{ đồng}.$
- Đối với mức lương cơ sở 1.390.000:
 $19.246 \text{ đồng} + 26.154 \text{ đồng} = 45.400 \text{ đồng}.$

Lnc: Đơn giá nhân công có phụ cấp lưu động và tiền ăn giữa ca theo Quyết định số 1636/QĐ-UBND ngày 29/6/2016.

“g” là tỷ lệ đơn giá nhân công không có phụ cấp lưu động và tiền ăn giữa ca/ đơn giá nhân công có phụ cấp lưu động và tiền ăn giữa ca.

Tại từng thời điểm tăng lương cơ sở “g” được tính như sau:

- Thời điểm mức lương cơ sở: 1.210.000 đồng/tháng:
 $g = (Lnc - 42.908)/Lnc$
- Thời điểm mức lương cơ sở: 1.300.000 đồng/tháng:
 $g = (Lnc \times 1,067 - 44.154)/Lnc \times 1,067$
- Thời điểm mức lương cơ sở: 1.390.000 đồng/tháng:
 $g = (Lnc \times 1,133 - 45.400)/Lnc \times 1,133$

2. Đơn giá nhân công vận hành máy trong Bộ đơn giá DVCI:

Lnc1 : đơn giá nhân công vận hành máy ban hành theo Quyết định số 1636/QĐ-UBND ngày 29/6/2016.

“h”: Tỷ lệ đơn giá nhân công vận hành máy không có phụ cấp lưu động và tiền ăn giữa ca/giá ca máy:

- Tại từng thời điểm tăng lương cơ sở “h” được tính như sau:
- Thời điểm mức lương cơ sở: 1.210.000 đồng/tháng:
 $h = (Lnc1 - 42.908)/\text{Giá ca máy}$
- Thời điểm mức lương cơ sở: 1.300.000 đồng/tháng:
 $h = (Lnc1 \times 1,067 - 44.154)/\text{Giá ca máy} \times 1,029$
- Thời điểm mức lương cơ sở: 1.390.000 đồng/tháng:
 $h = (Lnc1 \times 1,133 - 45.400)/\text{Giá ca máy} \times 1,036$

3. Việc xác định Hệ số điều chỉnh đơn giá nhân công, nhân công vận hành máy làm thêm ngày lễ, tết; ngày được nghỉ theo quy định và làm đêm thực hiện theo Quyết định số 1636/QĐ-UBND ngày 29/6/2016 của UBND tỉnh về việc Công bố Đơn giá dịch vụ công ích Đô thị tỉnh Bình Dương.